

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tổng Văn Tuyên.

2. Bà Nguyễn Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Mai Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Trịnh Minh K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Mai Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Trịnh Minh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/01/2017. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình nên thường xuyên mắng chửi nhau. Do không chịu đựng được nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh K từ tháng 01/2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Minh K.

Về con chung: Chị H khai chị và anh K có một con chung, cháu tên là Trịnh Bảo A, sinh ngày 06/8/2017. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cháu A và yêu cầu anh K cấp

đường nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 11/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Minh K trình bày: Anh và chị Mai Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/01/2017. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mắng chửi nhau. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh cũng hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh Trịnh Minh K khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Trịnh Bảo A, sinh ngày 06/8/2017. Hiện nay cháu A đang ở với chị H, sau ly hôn nếu chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A thì anh K không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Nếu anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu A thì anh K không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh đang làm tại công ty giấy Venus thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh K đồng ý để chị H nuôi cháu A nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Trịnh Minh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mắng chửi nhau. Đến tháng 1/2018 chị H và anh K sống ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn, anh K hoàn toàn đồng ý, cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2]. Về con chung: Chị H và anh K đều thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là Trịnh Bảo A, sinh ngày 06/8/2017. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định cháu A là con chung của chị H và anh K. cháu A đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chưa đủ 36 tháng tuổi, chị H và anh K thỏa thuận giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi, sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chị H yêu cầu mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng một tháng là cao so với điều kiện chăm sóc, học tập của cháu trung bình ở địa phương nên chỉ chấp nhận mức yêu cầu của chị H là 1.000.000 đồng một tháng.

[3]. Về tài sản: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh Trịnh Minh K chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị H và anh Trịnh Minh K.

2/ Về con cái: Công nhận chị H và anh K có 01 con chung, cháu tên là Trịnh Bảo A, sinh ngày 06/8/2017. Giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi, anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, anh K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000204 ngày 10/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh Trịnh Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Văn Hồng